

Bản án số: 128/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18/8/2025.

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hữu Quang.
2. Ông Nguyễn Văn Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5
- An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – An Giang tham gia phiên tòa:
Bà Thị Kim Lài – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh An Giang (Cơ sở 2) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 29/2025/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 02 năm 2025, về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 24 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Thanh T - sinh năm 2000, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ cũ: ấp Trường Thuận, xã Trường Long, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

Nay là ấp Trường Thuận, xã Trường Long, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N - sinh năm 2000, vắng mặt.

Địa chỉ cũ: ấp Phước Bình, xã Vĩnh Phước A, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Nay là ấp Phước Bình, xã Vĩnh Tuy, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/02/2025, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn ông Lê Thanh T như sau:

Vào năm 2021, ông kết hôn với bà Nguyễn Thị N, hôn nhân tự nguyện, không có tổ chức đám cưới, vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ ngày 08/01/2021.

Vợ chồng sống chung hạnh phúc được 05 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn xuất phát từ tiền, do bà N không chịu đi làm, bản thân ông làm bảo vệ lương thấp không đủ trang trải nên vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, không có tiếng nói chung. Từ tháng 6 năm 2021, vợ chồng ông đã sống ly thân cho đến nay. Hiện vợ chồng không còn khả năng chung sống với nhau và ông không còn tình cảm với bà Nguyễn Thị N nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị N.

Thời gian chung sống vợ chồng ông bà không có con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng ông không có tài sản chung.

Về nợ chung: Ông cam đoan vợ chồng ông không có nợ chung.

Nguyên vọng:

Về hôn nhân: Ông xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị N.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng bà Nguyễn Thị N không đến Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của bà Nguyễn Thị N.

- Phát biểu của kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh An Giang tại phiên tòa:

Về việc tuân thủ theo pháp luật về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ kiện; Việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định; Thủ tục công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt không có lý do là không tuân thủ pháp

luật nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho ông Lê Thanh T được ly hôn với bà Nguyễn Thị N. Về con chung, về tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên Viện kiểm sát không có đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa ông Lê Thanh T và bà Nguyễn Thị N là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh An Giang theo quy định tại Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025.

Bà Nguyễn Thị N là bị đơn trong vụ án, bà Nguyễn Thị N có địa chỉ rõ ràng, đó cũng là nơi bà đăng ký hộ khẩu thường trú, hiện nay bà Nguyễn Thị N vẫn còn hộ khẩu thường trú ở địa chỉ trên. Tòa án đã tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà Nguyễn Thị N vắng mặt tại phiên tòa 02 lần không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị N.

Ông Lê Thanh T có đơn xin vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của ông Lê Thanh T không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Lê Thanh T.

[2] Về hôn nhân: Ông Lê Thanh T và bà Nguyễn Thị N kết hôn vào năm 2021, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 04/2021, ngày 08/01/2021, như vậy Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của ông Lê Thanh T và bà Nguyễn Thị N là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân cho thấy: Tuy hôn nhân của ông Lê Thanh T và bà Nguyễn Thị N là hôn nhân tự nguyện, nhưng ông bà chưa tìm hiểu kỹ cá tính của nhau nên trong quá trình sống chung vợ chồng ông bà đã phát sinh mâu thuẫn không tự giải quyết được. Ông Lê Thanh T cho rằng nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn xuất phát từ tiền, do bà N không chịu đi làm, bản thân ông làm bảo vệ lương thấp không đủ trang trải nên vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, không có tiếng nói chung. Từ tháng 6 năm 2021, vợ chồng ông đã sống ly thân cho đến nay. Ngày 15/5/2025 và ngày 02/6/2025, Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên, giải thích giúp vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng bà Nguyễn Thị N vắng mặt và ông Lê Thanh T cương quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị N. Xét thấy, vợ chồng ông Lê Thanh T và bà Nguyễn Thị N đã sống ly thân hơn 03 năm, trong thời gian này, bà Nguyễn Thị N và ông Lê Thanh T không tìm được tiếng nói chung và không tự hàn gắn được do ông bà không còn liên lạc với nhau, khi Tòa án mời bà Nguyễn Thị N đến Tòa án để hòa giải để động viên, giải thích giúp vợ chồng ông bà đoàn tụ thì bà Nguyễn Thị N không có mặt cho thấy bà không còn quan tâm gì đến cuộc hôn nhân này và cho thấy mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được. Ông Lê Thanh T cương quyết xin ly hôn với bà Nguyễn Thị N và tỏ rõ thái độ không còn tình cảm yêu thương bà Nguyễn Thị N, vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Thanh T.

[4] Về con chung: Ông Lê Thanh T và bà Nguyễn Thị N không có con chung nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Lê Thanh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] Tại phiên tòa sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ, đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí HNGĐST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Ông Lê Thanh T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai

thu số 0010131, ngày 13/02/2025, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Áp dụng Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự.
Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh T.

Về hôn nhân: Xử cho ông Lê Thanh T ly hôn với bà Nguyễn Thị N.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: HĐXX miễn xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Lê Thanh T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0010131, ngày 13/02/2025, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM./ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND cùng cấp;
- THADS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Thùy Trang